

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu
của cơ sở giáo dục đại học năm 2024

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số											
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành		6	19	214	489	228					
a	Khối ngành I											
b	Khối ngành II											
1	Thiết kế thời trang	12	1	1	4	2	4					
2	Thiết kế đồ họa	74	1	1	4	48	20					
c	Khối ngành III											
1	Kinh doanh quốc tế	35	0	0	7	22	6					
2	Quan hệ lao động	17	0	0	6	6	5					
3	Quản trị kinh doanh	60	0	1	4	38	17					
4	Marketing	44	0	0	6	26	12					
5	Kế toán	67	0	0	6	34	27					
6	Tài chính ngân hàng	54	0	0	8	29	17					
7	Luật	45	1	1	8	25	10					
d	Khối ngành IV											
1	Công nghệ sinh học	29	0	1	10	13	5					
2	Khoa học môi trường	12	0	1	5	5	1					
đ	Khối ngành V											
1	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7	0	1	5	1	0					
2	Toán ứng dụng	8	1	1	5	0	1					
3	Thống kê	9	0	0	6	3	0					
4	Khoa học máy tính	31	0	2	6	16	7					
5	Kỹ thuật phần mềm	34	0	0	12	22	0					
6	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	9	0	0	6	3	0					
7	Kỹ thuật cơ điện tử	11	0	0	8	1	2					
8	Kỹ thuật điện tử viễn thông	16	1	1	11	0	3					
9	Kỹ thuật hóa học	33	0	0	14	10	9					

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
10	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	42	0	1	12	23	6					
11	Kỹ thuật điện	31	0	0	9	5	17					
12	Kiến trúc	23	1	2	6	12	2					
13	Kỹ thuật xây dựng	33	0	3	8	16	6					
14	Quy hoạch vùng và đô thị	5	0	0	5	0	0					
15	Quản lý xây dựng	5	0	2	3	0	0					
16	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	5	0	1	4	0	0					
17	Thiết kế nội thất	26	0	2	5	12	7					
e	Khối ngành VI											
1	Dược học	38	1	0	16	19	2					
f	Khối ngành VII											
1	Ngôn ngữ Trung Quốc	17	0	0	6	4	7					
2	Ngôn ngữ Anh	65	0	0	6	44	15					
3	Xã hội học	13	0	2	6	2	3					
4	Việt Nam học	53	0	2	9	31	11					
5	Công tác xã hội	8	0	1	4	2	1					
6	Quản lý thể dục thể thao	26	0	1	5	15	5					
7	Bảo hộ lao động	8	0	0	5	3	0					

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
KHỐI NGÀNH II						
1	Nguyễn Lê Huyền Trân	1983	Nữ		Đại học	Thiết kế thời trang
2	Lương Thị Ngọc Khánh	1981	Nữ		Tiến sĩ	Thiết kế thời trang
3	Nguyễn Vĩnh Đạt	1987	Nam		Đại học	Thiết kế thời trang
4	Đỗ Quốc Hưng	1962	Nam		Đại học	Thiết kế thời trang
5	Phạm Ngọc Quỳnh Giao	1988	Nữ		Tiến sĩ	Thiết kế thời trang
6	Huỳnh Thị Nhân Hiếu	1971	Nữ		Tiến sĩ	Thiết kế thời trang
7	Nguyễn Thanh Mai	1980	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế thời trang
8	Nguyễn Văn Dương	1962	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thiết kế thời trang
9	Nguyễn Xuân Tiên	1958	Nam	Giáo sư	Tiến sĩ	Thiết kế thời trang

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
10	Nguyễn Hoàng Tuấn	1960	Nam		Đại học	Thiết kế thời trang
11	Phạm Thị Thanh Huyền	1981	Nữ		Tiến sĩ	Thiết kế thời trang
12	Lý Nhật Bình	1989	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế thời trang
13	Tiền Công Hậu	1999	Nam		Đại học	Thiết kế đồ họa
14	Trần Thanh Hiếu	1966	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
15	Kiều Hữu Hiệp	1987	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
16	Phạm Ngọc Thu	1972	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
17	Trần Quốc Vinh	1988	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
18	Võ Hoàng Khánh	1981	Nam		Tiến sĩ	Thiết kế đồ họa
19	Nguyễn Trường Thọ	1997	Nam		Đại học	Thiết kế đồ họa
20	Nguyễn Thanh Hùng	1986	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
21	Nguyễn Thị Thanh Uyên	1993	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
22	Nguyễn Thị Minh Diệu	1992	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
23	Nguyễn Hồng Khiêm	1987	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
24	Ôn Gia Huệ	1992	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
25	Nguyễn Thị Thanh Nga	1989	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
26	Giản Thanh Thế Phong	1990	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
27	Hồ Vũ Thụy	1986	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
28	Huỳnh Thị Kim Trâm	1979	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
29	Lê Phú Cường	1995	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
30	Đoàn Thanh Quỳnh	1989	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
31	Nguyễn Bửu Ngươn	1959	Nam		Đại học	Thiết kế đồ họa
32	Trương Thị Thúy Diễm	1991	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
33	Trương Thúy Nga	1989	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
34	Đồng Kim Khánh	1994	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
35	Lưu Tuấn Nghĩa	1998	Nam		Đại học	Thiết kế đồ họa
36	Kwok Thoại Nhi	1991	Nữ		Đại học	Thiết kế đồ họa
37	Phùng Văn Trúc	1990	Nam		Đại học	Thiết kế đồ họa
38	Đỗ Thục Đoan	1983	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
39	Huỳnh Thị Thu Thủy	1974	Nữ		Tiến sĩ	Thiết kế đồ họa
40	Lê Thành Phúc	1993	Nam		Đại học	Thiết kế đồ họa
41	Văn Khánh Duy	1988	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
42	Dương Liên Trang Nhã	1988	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
43	Nguyễn Ngọc Phiên	1992	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
44	Nguyễn Văn Tiến	1980	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
45	Nguyễn Phạm Trung Hậu	1972	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
46	Ngô Văn Đức	1966	Nam		Đại học	Thiết kế đồ họa
47	Phạm Thị Phương Trinh	1997	Nữ		Đại học	Thiết kế đồ họa
48	Nguyễn Nghĩa Dinh	1995	Nam		Đại học	Thiết kế đồ họa
49	Trần Quang Hải	1984	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
50	Lâm Nhật Thanh	1970	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
51	Nguyễn Tăng Quang	1990	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
52	Tô Mai Linh	1961	Nam		Đại học	Thiết kế đồ họa
53	Đặng Ngọc Vũ	1990	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
54	Nguyễn Đông Châu	1992	Nam		Đại học	Thiết kế đồ họa
55	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1995	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
56	Lục Minh Tuấn	1991	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
57	Phan Thị Nhân Hào	1994	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
58	Trần Ngọc Thảo Uyên	2001	Nữ		Đại học	Thiết kế đồ họa
59	Nguyễn Tăng Thịnh	1968	Nam		Đại học	Thiết kế đồ họa
60	Trịnh Ngọc Thiên Dung	1995	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
61	Nguyễn Văn Mẫn	1968	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
62	Nguyễn Thị Thanh Trà	1985	Nữ		Tiến sĩ	Thiết kế đồ họa
63	Trần Thị Tuyết Nhung	1984	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
64	Mc Donald Clydeen Seorne	1987	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
65	Nguyễn Văn Dương	1962	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thiết kế đồ họa
66	Trần Duy Lộc	1988	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
67	Nguyễn Việt Hùng	1970	Nam		Đại học	Thiết kế đồ họa
68	Trần Huỳnh Hương Giang	1989	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
69	Nguyễn Thúy Hạnh	1979	Nữ		Đại học	Thiết kế đồ họa
70	Nguyễn Xuân Tiên	1958	Nam	Giáo sư	Tiến sĩ	Thiết kế đồ họa
71	Hoàng Thị Hồng Vân	1981	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
72	Nguyễn Thị Diệu Linh	1983	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
73	Lê Phúc	1975	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
74	Mustonen Riikka Anniina	1985	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
75	Hakaste Pekka Joonas	1990	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
76	Ulrich Klieber	1953	Nam		Tiến sĩ	Thiết kế đồ họa
77	Thierry Gerard G Delfosse	1962	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
78	Miekk Oja Suvi Kristiina	1972	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
79	Nguyễn Đức Thắng	1991	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
80	Phan Trần Trương	1991	Nam		Đại học	Thiết kế đồ họa
81	Huỳnh Đăng Viên	1981	Nam		Đại học	Thiết kế đồ họa
82	Nguyễn Thị Thùy Vân	1965	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
83	Phan Anh Tuấn	1987	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
84	Trịnh Phi Cường	1982	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
85	Nguyễn Thị Hoa Trinh	1980	Nữ		Đại học	Thiết kế đồ họa
86	Nguyễn Đình Thọ	1988	Nam		Đại học	Thiết kế đồ họa
KHỐI NGÀNH III						
1	Võ Thị Ngọc Hân	1989	Nữ		Đại học	Luật
2	Đặng Thành Lê	1988	Nam		Thạc sĩ	Luật
3	Nguyễn Tuấn Hoàng	1985	Nam		Thạc sĩ	Luật
4	Nguyễn Hoàng Hằng	1990	Nữ		Thạc sĩ	Luật
5	Nguyễn Mỹ Hào	1994	Nữ		Đại học	Luật
6	Nguyễn Ngọc Sơn	1974	Nam		Tiến sĩ	Luật
7	Nguyễn Hoàng Hải My	1995	Nữ		Thạc sĩ	Luật
8	Tạ Kiến Tường	1975	Nam		Thạc sĩ	Luật
9	Phan Lê Quỳnh Anh	1994	Nữ		Đại học	Luật
10	Lê Minh Hoàng	1992	Nam		Thạc sĩ	Luật
11	Huỳnh Thanh Trúc Thơ	1992	Nữ		Đại học	Luật
12	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	1997	Nữ		Đại học	Luật
13	Ngô Tuấn Kiệt	1984	Nam		Đại học	Luật
14	Phan Thị Hồng Ân	1994	Nữ		Thạc sĩ	Luật
15	Nguyễn Thành Phú	1997	Nam		Đại học	Luật
16	Dương Hữu Phước	1991	Nam		Thạc sĩ	Luật
17	An Thị Ngọc Lan	1984	Nữ		Thạc sĩ	Luật
18	Lê Thị Tường Khanh	1962	Nữ		Thạc sĩ	Luật
19	Phạm Ngọc Minh Tú	1996	Nữ		Thạc sĩ	Luật
20	Trần Tuấn Cảnh	1997	Nam		Thạc sĩ	Luật
21	Lê Thị Thúy Huỳnh	1990	Nữ		Thạc sĩ	Luật
22	Đặng Phương Du	1995	Nữ		Đại học	Luật
23	Phan Thị Thanh Hậu	1995	Nữ		Thạc sĩ	Luật
24	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	1996	Nữ		Thạc sĩ	Luật

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
25	Ngô Phương Trà	1978	Nữ		Thạc sĩ	Luật
26	Lý Văn Huy	1996	Nam		Đại học	Luật
27	Châu Bảo Anh	1990	Nam		Thạc sĩ	Luật
28	Phạm Thị Cẩm Ngọc	1992	Nữ		Thạc sĩ	Luật
29	Bùi Bảo Trâm	1996	Nữ		Thạc sĩ	Luật
30	Nguyễn Thị Thanh Mai	1995	Nữ		Thạc sĩ	Luật
31	Trần Thị Quang Vinh	1955	Nữ		Tiến sĩ	Luật
32	Nguyễn Đăng Dung	1952	Nam	Giáo sư	Tiến sĩ	Luật
33	Lê Kim Dung	1965	Nữ		Thạc sĩ	Luật
34	Bùi Thị Khuyên	1952	Nữ		Thạc sĩ	Luật
35	Đỗ Tường Khả Ái	1979	Nữ		Thạc sĩ	Luật
36	Vũ Anh Đức	1969	Nam		Tiến sĩ	Luật
37	Nguyễn Tiến Lộc	1953	Nam		Đại học	Luật
38	Lâm Thành Danh	1974	Nam		Thạc sĩ	Luật
39	Lê Thị Châu	1959	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Luật
40	Đinh Thị Mỹ Loan	1952	Nữ		Tiến sĩ	Luật
41	Nghiêm Quý Hào	1969	Nam		Tiến sĩ	Luật
42	Hoàng Việt Trung	1960	Nam		Tiến sĩ	Luật
43	Phạm Thị Thanh Huyền	1981	Nữ		Tiến sĩ	Luật
44	Nguyễn Văn Anh	1979	Nữ		Thạc sĩ	Luật
45	Nguyễn Thị Hồng	1980	Nữ		Tiến sĩ	Luật
46	Trần Thị Phi Phụng	1989	Nữ		Tiến sĩ	Quan hệ lao động
47	Phạm Thị Thật	1990	Nữ		Tiến sĩ	Quan hệ lao động
48	Nguyễn Hồ Khánh Vân	1991	Nữ		Tiến sĩ	Quan hệ lao động
49	Lê Duy Khánh	1996	Nam		Đại học	Quan hệ lao động
50	Tạ Hồng Nhạ	1978	Nữ		Đại học	Quan hệ lao động
51	Huỳnh Thị Hà Thi	1996	Nữ		Đại học	Quan hệ lao động
52	Hà Thị Là	1952	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ lao động
53	Nguyễn Văn Nhứt Thanh	2000	Nam		Đại học	Quan hệ lao động
54	Trương Thị Thu Hiền	1991	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ lao động
55	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	1991	Nữ		Đại học	Quan hệ lao động
56	Đặng Ngọc Tùng	1952	Nam		Tiến sĩ	Quan hệ lao động
57	Trần Văn Minh	1994	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ lao động
58	Hoàng Thị Tường Vinh	1989	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ lao động

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
59	Nguyễn Đình Hòa	1973	Nam		Tiến sĩ	Quan hệ lao động
60	Huỳnh Võ Thục Quyên	1989	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ lao động
61	Mai Nguyễn Đức Quang	1978	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ lao động
62	Nguyễn Thị Hồng	1980	Nữ		Tiến sĩ	Quan hệ lao động
63	Young Adrian	1988	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
64	Nguyễn Thị Bình	1990	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
65	Trần Thế Phong	1997	Nam		Đại học	Kế toán
66	Lê Hoàng Chinh	1985	Nam		Đại học	Kế toán
67	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	1997	Nữ		Đại học	Kế toán
68	Trần Quốc Thái	1992	Nam		Đại học	Kế toán
69	Hoàng Trương Hiếu	1995	Nam		Đại học	Kế toán
70	Nguyễn Thị Kim Tuyến	1989	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
71	Dương Việt Dũng	1982	Nam		Đại học	Kế toán
72	Trần Quốc Cường	1983	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
73	Nguyễn Thị Phước Diễm	1989	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
74	Võ Thị Minh Phú	1987	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
75	Nguyễn Thị Ngoan	1995	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
76	Nguyễn Thị Kim Tuyến	1994	Nữ		Đại học	Kế toán
77	Phan Thị Thanh Kiều	1985	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
78	Nghiêm Vân Dung	1983	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
79	Nguyễn Thị Hồng Nhiên	1996	Nữ		Đại học	Kế toán
80	Đỗ Nguyễn Minh Ngọc	1994	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
81	Phạm Thị Kim Diệp	1988	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
82	Phạm Quốc Duy	1998	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
83	Bùi Thị Kiều Trinh	1997	Nữ		Đại học	Kế toán
84	Ngô Thị Minh Triết	1989	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
85	Trương Thị Thanh Trang	1971	Nữ		Đại học	Kế toán
86	Đặng Duy Hải	1990	Nam		Đại học	Kế toán
87	Nguyễn Minh Trí	1992	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
88	Nguyễn Lâm	1988	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
89	Nguyễn Trương Nhật Sinh	1990	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
90	Phạm Ngọc Tường Vy	1998	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
91	Võ Thị Thúc	1983	Nữ		Tiến sĩ	Kế toán
92	Nguyễn Thị Thanh Hương	1984	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
93	Trần Thị Hồng Vân	1986	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
94	Đỗ Thanh Tơ	1990	Nam		Đại học	Kế toán
95	Lâm Thị Hoàng Hoanh	1990	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
96	Vũ Bảo Trân	1999	Nữ		Đại học	Kế toán
97	Nguyễn Dương Kim Thanh	1975	Nữ		Đại học	Kế toán
98	Đặng Lê Trần Vũ	1989	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
99	Lương Mai Tùng	1967	Nam		Đại học	Kế toán
100	Nguyễn Thị Hải Yến	1999	Nam		Đại học	Kế toán
101	Nguyễn Thị Mai Phương	1987	Nữ		Đại học	Kế toán
102	Phan Hoài Vũ	1966	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
103	Hồ Thị Huệ	1980	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
104	Nguyễn Thị Minh Thư	1995	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
105	Hải Ngọc Khánh	1988	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
106	Hồ Thị Như Uyên	1991	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
107	Võ Thị Kim Thanh	1979	Nữ		Đại học	Kế toán
108	Trần Thị Hồng Thắm	1980	Nữ		Đại học	Kế toán
109	Lê Thị Thanh Vân	1986	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
110	Phan Đặng Khánh Linh	1983	Nữ		Đại học	Kế toán
111	Nguyễn Thị Hoài Thư	1996	Nữ		Đại học	Kế toán
112	Bùi Thị Bích Liên	1964	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
113	Nguyễn Thị Phương Uyên	2000	Nữ		Đại học	Kế toán
114	Trần Thị Thu	1989	Nữ		Tiến sĩ	Kế toán
115	Lê Thị Mỹ Hạnh	1979	Nữ		Tiến sĩ	Kế toán
116	Mai Huỳnh Phương Thảo	1989	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
117	Hà Thị Ngọc Hà	1960	Nữ		Tiến sĩ	Kế toán
118	Trần Đỗ Thùy Linh	1988	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
119	Nguyễn Thị Hương	1981	Nữ		Đại học	Kế toán
120	Thân Thị Vĩnh Lợi	1975	Nữ		Đại học	Kế toán
121	Huỳnh Thanh Phụng	1984	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
122	Nghiêm Quý Hào	1969	Nam		Tiến sĩ	Kế toán
123	Nguyễn Thị Thanh Nhân	1999	Nữ		Đại học	Kế toán
124	Lý Thị Vân Hồng	1979	Nữ		Đại học	Kế toán
125	Sultan Maria Carmela Ramonal	1994	Nữ		Đại học	Kế toán
126	Trịnh Văn Quảng	1988	Nam		Thạc sĩ	Kế toán

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
127	Lê Thị Mến	1986	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
128	Nguyễn Duy Sứ	1981	Nam		Tiến sĩ	Kế toán
129	Wojtas Grzegorz	1990	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
130	Huỳnh Anh Khiêm	1988	Nam		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
131	Trương Thị Thanh Phương	1993	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
132	Phạm Nhật Tuấn	1991	Nam		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
133	Lê Ngọc Thủy Trang	1991	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
134	Nguyễn An Chi	1993	Nữ		Đại học	Tài chính - Ngân hàng
135	Bùi Đức Nhã	1991	Nam		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
136	Vương An Minh	1997	Nam		Đại học	Tài chính - Ngân hàng
137	Bùi Thị Ngọc Hân	1991	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
138	Phan Khánh Ly	1993	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
139	Lê Thanh Hòa	1993	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
140	Trương Diễm Anh	1990	Nữ		Đại học	Tài chính - Ngân hàng
141	Phạm Thị Ngọc Dung	1993	Nữ		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
142	Lê Quỳnh Như	1997	Nữ		Đại học	Tài chính - Ngân hàng
143	Nguyễn Thị Hồng Tuyền	1991	Nữ		Đại học	Tài chính - Ngân hàng
144	Đặng Thanh Lan	1997	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
145	Phan Thị Thanh Phương	1991	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
146	Nguyễn Trần Hồng Vân	1990	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
147	Cao Phi Phụng	1991	Nữ		Đại học	Tài chính - Ngân hàng
148	Lê Bảo Thy	1987	Nữ		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
149	Phạm Thị Yến Anh	1980	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
150	Lưu Hiền Hàng	1991	Nam		Đại học	Tài chính - Ngân hàng
151	Nguyễn Thành Thái	1995	Nam		Đại học	Tài chính - Ngân hàng
152	Lê Thị Thanh Bình	1998	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
153	Nguyễn Thị Thúy Vy	1989	Nữ		Đại học	Tài chính - Ngân hàng
154	Võ Ngân Thơ	1981	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
155	Nguyễn Khánh Ngọc	1981	Nữ		Đại học	Tài chính - Ngân hàng
156	Nguyễn Thủy Kim Tuyền	1988	Nữ		Đại học	Tài chính - Ngân hàng
157	Nguyễn Quang Huy	1987	Nam		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
158	Đương Đăng Khoa	1986	Nam		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
159	Cà Phú Phát	1989	Nam		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
160	Nguyễn Minh Hoàng	1965	Nam		Đại học	Tài chính - Ngân hàng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
161	Phạm Uyên Thy	1970	Nữ		Đại học	Tài chính - Ngân hàng
162	Bùi Lê Thanh Quỳnh	1996	Nữ		Đại học	Tài chính - Ngân hàng
163	Đỗ Thị Thanh Nhân	1984	Nữ		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
164	Ngô Nguyễn Quỳnh Như	1991	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
165	Đỗ Thành Tài	1994	Nam		Đại học	Tài chính - Ngân hàng
166	Phùng Quang Hưng	1988	Nam		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
167	Nguyễn Tiến Thanh	1990	Nam		Đại học	Tài chính - Ngân hàng
168	Nguyễn Thị Lệ Hằng	1973	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
169	Trần Thị Cẩm Giang	1983	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
170	Dương Tích Đạt	1983	Nam		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
171	Cao Thị Thanh Hiền	1975	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
172	Nguyễn Thị Triều	1988	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
173	Nguyễn Thị Diệu Thu	1987	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
174	Nguyễn Xuân Nam	1987	Nam		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
175	Võ Quang Bình	1991	Nam		Đại học	Tài chính - Ngân hàng
176	Nguyễn Gia Đường	1973	Nam		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
177	Phạm Thị Hòa	1977	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
178	Đoàn Ngân Hà	1987	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
179	Lê Thị Thanh Hiền	1990	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
180	Hồ Thanh Tùng	1972	Nam		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
181	Vũ Văn Hiếu	1989	Nam		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
182	Nguyễn Thị Thu	1991	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
183	Park Kee Hwan	1951	Nam		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
184	Chế Ngọc Hà	1988	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
185	Võ Văn Lai	1979	Nam		Tiến sĩ	Kinh doanh quốc tế
186	Nguyễn Trung Tín	1995	Nam		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
187	Trần Thị Mỹ Phượng	1988	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
188	Đỗ Thị Nhân	1995	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
189	Thạch Thanh Tiền	1986	Nam		Tiến sĩ	Kinh doanh quốc tế
190	Phạm Trần Thanh Văn	1986	Nam		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
191	Nguyễn Hoàng Duy	1984	Nam		Đại học	Kinh doanh quốc tế
192	Nguyễn Thị Nhung	1988	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
193	Trần Ngọc Thạch	1993	Nam		Tiến sĩ	Kinh doanh quốc tế
194	Trần Quốc Cường	1997	Nam		Đại học	Kinh doanh quốc tế

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
195	Phạm Thành Trí	1981	Nam		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
196	Đinh Hạ Vân	1981	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
197	Phạm Minh Tiến	1998	Nam		Đại học	Kinh doanh quốc tế
198	Nguyễn Trọng Nhân	1992	Nam		Đại học	Kinh doanh quốc tế
199	Phạm Châu Anh Thy	1994	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
200	Phùng Tín Trung	1987	Nam		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
201	Nguyễn Thị Huệ Trinh	1983	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
202	Huỳnh Kim Ngân	1997	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
203	Thạch Sốt Mai Ly	1990	Nam		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
204	Trần Nguyên An	1962	Nam		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
205	Trần Thị Kiều Trang	1991	Nữ		Đại học	Kinh doanh quốc tế
206	Trương Thị Thanh Vân	1993	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
207	Phan Trần Tường Vi	1997	Nữ		Đại học	Kinh doanh quốc tế
208	Phạm Vũ Thịnh	1992	Nam		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
209	Nguyễn Thanh Liêm	1992	Nam		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
210	Bùi Thùy Trang	1992	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
211	Nguyễn Thị Minh Hoa	1977	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
212	Lê Thị Thanh Loan	1956	Nữ		Tiến sĩ	Kinh doanh quốc tế
213	Nguyễn Hải Thanh	1984	Nữ		Tiến sĩ	Kinh doanh quốc tế
214	Phan Hoàng Phúc Vinh	1983	Nam		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
215	Phạm Tiến Thành	1985	Nam		Tiến sĩ	Kinh doanh quốc tế
216	Phạm Thị Ngân	1979	Nữ		Tiến sĩ	Kinh doanh quốc tế
217	Hà Ngọc Minh	1971	Nam		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
218	Nguyễn Thị Thùy Dương	1984	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
219	Lý Sal	1992	Nam		Thạc sĩ	Marketing
220	Nguyễn Hữu Thoại	1997	Nam		Đại học	Marketing
221	Trần Công Đức	1991	Nam		Tiến sĩ	Marketing
222	Trần Tuấn Hào	1995	Nam		Thạc sĩ	Marketing
223	Aisthorpe Keith David	1967	Nam		Thạc sĩ	Marketing
224	Lê Thanh Phước	1997	Nam		Đại học	Marketing
225	Lê Hoàng Long	1988	Nam		Thạc sĩ	Marketing
226	Lý Sel	1988	Nam		Thạc sĩ	Marketing
227	Nguyễn Văn Hưng	1976	Nam		Thạc sĩ	Marketing
228	Ngô Thị Ngọc Vui	1988	Nữ		Thạc sĩ	Marketing

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
229	Nguyễn Thị Hồng	1991	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
230	Huỳnh Thị Cẩm Linh	1985	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
231	Võ Huyền Nhi	1991	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
232	Phạm Thị Quỳnh Anh	1990	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
233	Phan Thị Thu Hằng	1996	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
234	Huỳnh Thị Phương Thanh	1972	Nữ		Đại học	Marketing
235	Phạm Thị Ngọc Tuyền	1995	Nữ		Đại học	Marketing
236	Lê Thị Nguyên	1983	Nữ		Tiến sĩ	Marketing
237	Nguyễn Tuấn Anh	1991	Nam		Thạc sĩ	Marketing
238	Lê Hồng Phúc	1990	Nam		Thạc sĩ	Marketing
239	Nguyễn Ngọc Sỹ	1979	Nam		Thạc sĩ	Marketing
240	Nguyễn Thị Bích Diễm	1997	Nữ		Đại học	Marketing
241	Trần Cao Thảo Nguyên	1982	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
242	Nhơn Quang Trường	1995	Nam		Thạc sĩ	Marketing
243	Đoàn Văn Bông	1962	Nam		Thạc sĩ	Marketing
244	Trần Lê Anh Huy	1992	Nam		Đại học	Marketing
245	Phùng Minh Tuấn	1980	Nam		Tiến sĩ	Marketing
246	Nguyễn Thanh Đức	1995	Nam		Đại học	Marketing
247	Nguyễn Vũ Huyền Châu	1991	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
248	Võ Thành Nam	1972	Nam		Thạc sĩ	Marketing
249	Nguyễn Hải Thanh	1984	Nữ		Tiến sĩ	Marketing
250	Lê Hùng	1985	Nam		Thạc sĩ	Marketing
251	Phạm Tiến Thành	1985	Nam		Tiến sĩ	Marketing
252	Võ Trúc Quyên	1996	Nữ		Đại học	Marketing
253	Nguyễn Ngọc Thẩm	1973	Nam		Đại học	Marketing
254	Trần Lý Đăng Khoa	1994	Nam		Đại học	Marketing
255	Trương Xuân Nghị	1982	Nam		Đại học	Marketing
256	Vũ Phạm Tín	1964	Nam		Đại học	Marketing
257	Nguyễn Văn Quyết	1990	Nam		Thạc sĩ	Marketing
258	Lê Công An	1975	Nam		Thạc sĩ	Marketing
259	Nguyễn Thị Bích Loan	1962	Nữ		Tiến sĩ	Marketing
260	Nguyễn Đức Hiếu	1975	Nam		Thạc sĩ	Marketing
261	Laroma Sophia Lydia	1974	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
262	Nguyễn Thị Kim Quyên	1996	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
263	Rodriguez Eliseo Jordan	1982	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
264	Lương Nữ Nhật Uyên	1988	Nữ		Đại học	Quản trị kinh doanh
265	Trần Công Đức	1991	Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
266	Lương Thị Thùy Linh	1991	Nữ		Đại học	Quản trị kinh doanh
267	Đỗ Văn Hòa	1979	Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
268	Phùng Quốc Vương	1992	Nam		Đại học	Quản trị kinh doanh
269	Lê Thị Thùy Dung	1985	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
270	Nguyễn Hải Nam	1991	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
271	Châu Tuấn Cảnh	1999	Nam		Đại học	Quản trị kinh doanh
272	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	1988	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
273	Nguyễn Quang Phong	1991	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
274	Trần Thị Vân Trang	1992	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
275	Nguyễn Huỳnh Mẫn Đạt	1997	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
276	Nguyễn Ngọc Hương Lan	1989	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
277	Trần Huỳnh Ngọc Hà	1989	Nữ		Đại học	Quản trị kinh doanh
278	Nguyễn Thị Bảo Khánh	1996	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
279	Lê Thị Nguyên	1983	Nữ		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
280	Nguyễn Trần Ánh Thơ	2000	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
281	Trần Công Thành	1987	Nam		Đại học	Quản trị kinh doanh
282	Trần Thanh Hải	1985	Nam		Đại học	Quản trị kinh doanh
283	Lê Trần Nhật Hoàng	1994	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
284	Nguyễn Thị Đặng Mai	1980	Nữ		Đại học	Quản trị kinh doanh
285	Trần Như Kim Chi	1977	Nữ		Đại học	Quản trị kinh doanh
286	Đặng Bích Phương	1992	Nữ		Đại học	Quản trị kinh doanh
287	Nguyễn Thị Phương Châm	1982	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
288	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	1979	Nữ		Đại học	Quản trị kinh doanh
289	Trần Thị Yến Nghi	1994	Nữ		Đại học	Quản trị kinh doanh
290	Vũ Nguyễn Trâm Anh	1991	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
291	Nguyễn Quốc Lộc	1989	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
292	Trần Thị Thu Hằng	1992	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
293	Đào Lê Huy	1993	Nam		Đại học	Quản trị kinh doanh
294	Hồ Hoàng Diệu	1983	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
295	Nguyễn Đức Hy	1970	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
296	Vũ Ngọc Thảo Vy	1999	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
297	Trần Thị Thu Phương	1996	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
298	Lê Thị Việt Hằng	1989	Nữ		Đại học	Quản trị kinh doanh
299	Phan Thị Minh Nga	1988	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
300	Vũ Thị Hồng Nhung	1986	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
301	Hoàng Kim Chương	1962	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
302	Nguyễn Trần Lê Na	1995	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
303	Nguyễn Hiền Lương	1988	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
304	Huỳnh Mạnh Hùng	1997	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
305	Nguyễn Thành Khoa	1982	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
306	Đỗ Thị Hạnh Trinh	1997	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
307	Hoàng Quang Sơn	1996	Nam		Đại học	Quản trị kinh doanh
308	Huỳnh Đình Kỳ Nhân	1981	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
309	Nguyễn Thị Trà My	1994	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
310	Lưu Huy Hoàng	1995	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
311	Phạm Văn Bé	1979	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
312	Phạm Thị Minh Lý	1971	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
313	Võ Thế Sinh	1971	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
314	Nguyễn Thị Bích Đào	1989	Nữ		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
315	Bành Thị Khánh Trâm	1996	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
316	Nguyễn Hữu Sinh	1980	Nam		Đại học	Quản trị kinh doanh
317	Lê Thu Hồng	1971	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
318	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	1994	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
319	Nguyễn Thị Mỹ Vân	1958	Nữ		Đại học	Quản trị kinh doanh
320	Trần Xuân Diễm My	1992	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
321	Lê Thị Phương Thanh	1992	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh

KHỐI NGÀNH IV

1	Tạ Hoàng Trọng	1995	Nam		Thạc sĩ	Khoa học môi trường
2	Trần Thị Phương Quỳnh	1993	Nữ		Tiến sĩ	Khoa học môi trường
3	Đoàn Thị Kim Quyên	1992	Nữ		Tiến sĩ	Khoa học môi trường
4	Thị Ngọc Bảo Dung	1985	Nữ		Tiến sĩ	Khoa học môi trường
5	Phạm Thanh Lưu	1982	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học môi trường
6	Lý Thị Thu Ba	1988	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học môi trường
7	Phạm Tài Thắng	1980	Nam		Thạc sĩ	Khoa học môi trường
8	Nguyễn Thị Hường	1985	Nữ		Đại học	Khoa học môi trường

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
9	Nguyễn Văn Thắng	1990	Nam		Thạc sĩ	Khoa học môi trường
10	Nguyễn Tấn Phong	1975	Nam		Tiến sĩ	Khoa học môi trường
11	Nguyễn Thị Thanh Hương	1978	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học môi trường
12	Phạm Anh Đức	1974	Nam		Tiến sĩ	Khoa học môi trường
13	Chau Thi Đa	1975	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
14	Nguyễn Thị Mai Hương	1989	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ sinh học
15	Phan Thị Thanh Thủy	1984	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ sinh học
16	Nguyễn Trung Cậu	1979	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ sinh học
17	Đỗ Thị Mỹ Linh	1994	Nữ		Đại học	Công nghệ sinh học
18	Phan Thanh Duy	1997	Nam		Đại học	Công nghệ sinh học
19	Nguyễn Khánh Linh	1979	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ sinh học
20	Trần Thị Dung	1953	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
21	Phạm Minh Tân	1990	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
22	Đoàn Thiên Thanh	1989	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ sinh học
23	Nguyễn Thị Cẩm Vi	1981	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
24	Trần Thị Tuyết Nhung	1989	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
25	Phạm Thanh Lưu	1982	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
26	Hồ Thị Mỹ Linh	1985	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ sinh học
27	Nguyễn Thị Trang	1997	Nữ		Đại học	Công nghệ sinh học
28	Bùi Anh Võ	1979	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ sinh học
29	Đỗ Thanh Hùng	1990	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ sinh học
30	Nguyễn Anh Thi	1992	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ sinh học
31	Phạm Trung Tuyển	1989	Nam		Đại học	Công nghệ sinh học
32	Trình Quỳnh Diệu	1993	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
33	Trần Phụng Thanh	1989	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ sinh học
34	Lê Thị Thuần	1982	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ sinh học
35	Nguyễn Ngọc Tuấn	1982	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
36	Nguyễn Thị Thu Hằng	1993	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
37	Vương Đạt Phú	1996	Nam		Đại học	Công nghệ sinh học
38	Lê Thị Kim Dung	1994	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
39	Phạm Đình Chương	1984	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
40	Tran Thi My Nhung	1991	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ sinh học
41	Chau Quan Chieu	1992	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ sinh học
KHỐI NGÀNH V						

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
1	Phạm Hải Chiến	1976	Nam		Tiến sĩ	Quản lý xây dựng
2	Đặng Thùy Đông	1988	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản lý xây dựng
3	Nguyễn Thị Phương	1985	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản lý xây dựng
4	Nguyễn Thái Hiệp	1980	Nam		Tiến sĩ	Quản lý xây dựng
5	Trịnh Trần Mai Kim Hoàng	1994	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý xây dựng
6	Trần Quang Khiêm	1990	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
7	Trần Vĩnh Lộc	1985	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
8	Phan Tô Anh Vũ	1980	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
9	Đỗ Nguyễn Văn Vương	1984	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
10	Nguyễn Thái Hiệp	1980	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
11	Lê Thị Thanh Trâm	1987	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
12	Huỳnh Hữu Thảo Nguyên	1981	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
13	Phạm Châu Trúc Phương	1987	Nữ		Đại học	Kỹ thuật xây dựng
14	Nguyễn Thị Ngọc Giang	1990	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
15	Trần Quang Khiêm	1990	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng
16	Trần Nguyễn Hoàng Uyên	1983	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
17	Trần Vĩnh Lộc	1985	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng
18	Nguyễn Việt Bình	1987	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
19	Phùng Minh Nhựt	1994	Nam		Đại học	Kỹ thuật xây dựng
20	Nguyễn Cao Tân	1983	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
21	Nguyễn Lê Trường Hải	1987	Nam		Đại học	Kỹ thuật xây dựng
22	Lê Bảo Dân	1987	Nam		Đại học	Kỹ thuật xây dựng
23	Nguyễn Đình Phi	1986	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
24	Lê Hoàng Nam	1988	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
25	Trần Minh Tùng	1978	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng
26	Trần Quốc Toàn	1985	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
27	Bùi Thị Mai Thảo	1997	Nữ		Đại học	Kỹ thuật xây dựng
28	Đỗ Nguyễn Văn Vương	1984	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng
29	Bùi Quốc Bảo	1981	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng
30	Lê Đức Hiền	1979	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng
31	Ngô Tấn Dực	1976	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
32	Võ Thành Nam	1984	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
33	Bùi Văn Thanh	1952	Nam		Đại học	Kỹ thuật xây dựng
34	Trần Tấn Huy	1988	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng
35	Trương Quang Nghĩa	1985	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
36	Nguyễn Thành Quý	1982	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
37	Nguyễn Thống Nhất	1959	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng
38	Nguyễn Thị Bích Liên	1960	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
39	Bùi Quang Tuấn	1976	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
40	Nguyễn Thị Phương	1985	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng
41	Đinh Văn Hậu	1976	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
42	Vũ Minh Đức	1997	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng
43	Trần Chương	1941	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng
44	Nguyễn Hoàng Ái Quyên	1980	Nữ		Đại học	Thiết kế nội thất
45	Ngô Tú Quỳnh Loan	1988	Nữ		Tiến sĩ	Thiết kế nội thất
46	Võ Hoàng Khánh	1981	Nam		Tiến sĩ	Thiết kế nội thất
47	Lương Hoàng Nghĩa	1990	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế nội thất
48	Nguyễn Minh Hiếu	1989	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế nội thất
49	Lê Đặng Minh Tú	1995	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế nội thất
50	Hồ Ngọc Lệ	1966	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế nội thất
51	Trần Anh Tuấn	1994	Nam		Đại học	Thiết kế nội thất
52	Đỗ Nguyễn Lập Xuân	1986	Nữ		Tiến sĩ	Thiết kế nội thất
53	Phan Trung Nhân	2001	Nam		Đại học	Thiết kế nội thất
54	Phan Bảo Cường	1991	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế nội thất
55	Mai Quang Phú	1995	Nam		Đại học	Thiết kế nội thất
56	Nguyễn Quốc Hiền	1987	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế nội thất
57	Trần Minh Hoàng	1981	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế nội thất
58	Phùng Thị Thùy Thủy	1976	Nữ		Đại học	Thiết kế nội thất
59	Lê Đức Hiền	1979	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thiết kế nội thất
60	Trương Hữu Giáp	1994	Nam		Đại học	Thiết kế nội thất
61	Phạm Minh Tâm	1995	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế nội thất
62	Trần Văn Đức	1979	Nam		Tiến sĩ	Thiết kế nội thất
63	Trần Thị Hà Linh	1983	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế nội thất
64	Thái Hoàng Chiến	1980	Nam		Tiến sĩ	Thiết kế nội thất

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
65	Nguyễn Văn Dương	1962	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thiết kế nội thất
66	Hoàng Hữu Công	1960	Nam		Đại học	Thiết kế nội thất
67	Nguyễn Ngọc Quyết	1976	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế nội thất
68	Ngô Quốc Thịnh	1987	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế nội thất
69	Hoàng Lê Duy	1985	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế nội thất
70	Võ Hoàng Khánh	1981	Nam		Tiến sĩ	Quy hoạch vùng và đô thị
71	Lê Tố Quyên	1988	Nữ		Tiến sĩ	Quy hoạch vùng và đô thị
72	Trần Tấn Huy	1988	Nam		Tiến sĩ	Quy hoạch vùng và đô thị
73	Hoàng Thị Phương Thảo	1989	Nữ		Tiến sĩ	Quy hoạch vùng và đô thị
74	Nguyễn Tấn	1988	Nam		Tiến sĩ	Quy hoạch vùng và đô thị
75	Nguyễn Đình Nam	1982	Nam		Thạc sĩ	Kiến trúc
76	Võ Văn Thảo	1984	Nam		Thạc sĩ	Kiến trúc
77	Cao Văn Cừ	1970	Nam		Đại học	Kiến trúc
78	Nguyễn Hải Bình	1977	Nam		Thạc sĩ	Kiến trúc
79	Đặng Thế Hiền	1988	Nam		Thạc sĩ	Kiến trúc
80	Lý Công Minh	1997	Nam		Thạc sĩ	Kiến trúc
81	Lê Tố Quyên	1988	Nữ		Tiến sĩ	Kiến trúc
82	Nguyễn Thanh Cầm	1992	Nữ		Thạc sĩ	Kiến trúc
83	Bùi Quốc Bảo	1981	Nam		Tiến sĩ	Kiến trúc
84	Phạm Văn Phi	1974	Nam		Thạc sĩ	Kiến trúc
85	Trần Văn Đức	1979	Nam		Tiến sĩ	Kiến trúc
86	Đặng Thùy Đông	1988	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kiến trúc
87	Hoàng Đức Quang	1978	Nam		Tiến sĩ	Kiến trúc
88	Nguyễn Phương Anh	1988	Nam		Đại học	Kiến trúc
89	Phạm Đức Chính	1958	Nam	Giáo sư	Tiến sĩ khoa học	Kiến trúc
90	Phạm Đức Long	1973	Nam		Thạc sĩ	Kiến trúc
91	Nguyễn Thị Hồng Diệp	1990	Nữ		Thạc sĩ	Kiến trúc
92	Lâm Quý Thương	1984	Nam		Thạc sĩ	Kiến trúc
93	Nguyễn Tấn	1988	Nam		Tiến sĩ	Kiến trúc
94	Lê Thị Vân Anh	1985	Nữ		Thạc sĩ	Kiến trúc
95	Trịnh Trần Mai Kim Hoàng	1994	Nữ		Tiến sĩ	Kiến trúc
96	Ngô Lê Minh	1976	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kiến trúc

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
97	Tô Hương Chi	1979	Nữ		Thạc sĩ	Kiến trúc
98	Trần Thị Cẩm Dung	1995	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật hoá học
99	Lê Thị Kim Chi	1990	Nữ		Đại học	Kỹ thuật hoá học
100	Nguyễn Quốc Hải	1987	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật hoá học
101	Nguyễn Thị Ngọc Phương	1995	Nữ		Đại học	Kỹ thuật hoá học
102	Lê Quốc Bảo	1995	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật hoá học
103	Nguyễn Thị Hồng Hải	1979	Nữ		Đại học	Kỹ thuật hoá học
104	Lê Quốc Bảo	1989	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật hoá học
105	Lê Phúc Anh	1994	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật hoá học
106	Trần Bội Châu	1980	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật hoá học
107	Võ Nguyễn Xuân Phương	1978	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật hoá học
108	Đinh Nguyễn Thanh Tùng	1992	Nam		Đại học	Kỹ thuật hoá học
109	Đỗ Duy Thanh	1997	Nam		Đại học	Kỹ thuật hoá học
110	Nguyễn Duy Khánh	1998	Nam		Đại học	Kỹ thuật hoá học
111	Phạm Văn Mễ	1964	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật hoá học
112	Nguyễn Thị Kim Yến	1980	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật hoá học
113	Trần Hoài Khang	1984	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật hoá học
114	Vũ Ngọc Hải	1994	Nam		Đại học	Kỹ thuật hoá học
115	Vũ Thị Ngọc Ánh	1990	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật hoá học
116	Nguyễn Ngọc Long	1973	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật hoá học
117	Trương Thị Bê Ta	1988	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật hoá học
118	Phan Vũ Hoàng Giang	1983	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật hoá học
119	Hoàng Lê Thụy Thùy Trang	1991	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật hoá học
120	Phan Thị Phương Thúy	1984	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật hoá học
121	Đặng Lâm Tuấn Cường	1990	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật hoá học
122	Nguyễn Thị Ánh Nga	1983	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật hoá học
123	La Vũ Thùy Linh	1978	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật hoá học
124	Trịnh Thị Bích Trâm	1996	Nữ		Đại học	Kỹ thuật hoá học
125	Nguyễn Vũ Duy	1995	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật hoá học
126	Phạm Dương Thanh Sang	1994	Nam		Đại học	Kỹ thuật hoá học
127	Nguyễn Quang Khuyến	1976	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật hoá học
128	Đỗ Tường Hạ	1978	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật hoá học
129	Kaipainen Jussi Kalevi	1981	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật hoá học
130	Rudolf Kiefer Benedikt	1967	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật hoá học

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
131	Nguyễn Văn Trung	1981	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
132	Trần Thị Tú Quyên	1999	Nữ		Đại học	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
133	Nguyễn Thị Thu Quyên	1987	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
134	Lê Hữu Tài	1983	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
135	Lê Võ Trường Giang	1995	Nam		Đại học	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
136	Phan Đạo	1964	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
137	Phạm Vũ Bảo	1979	Nam		Đại học	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
138	Lê Thị Cẩm Tú	1988	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
139	Phan Ngọc Linh	1996	Nữ		Đại học	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
140	Phạm Huỳnh Quang Huy	1996	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
141	Phan Thành Tài	1995	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
142	Phạm Hữu Lý	1980	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
143	Thiều Quang Trí	1980	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
144	Trần Đức Anh Minh	1985	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
145	Trần Bạch Tuyết	2000	Nữ		Đại học	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
146	Lê Tấn Quang	1981	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
147	Nguyễn Thành Quang	1991	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
148	Nguyễn Hữu Tài	1993	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
149	Nguyễn Hữu Khánh Nhân	1974	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
150	Hoàng Lê Quang Nhật	1989	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
151	Trần Văn Thâu	1995	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
152	Nguyễn Kiều Tam	1964	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
153	Huỳnh Văn Vạn	1981	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
154	Nguyễn Hộ	1989	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
155	Huỳnh Tấn Đệ	1977	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
156	Lê Thị Loan	1997	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
157	Nguyễn Quang Dũng	1986	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
158	Phan Thị Thanh Bình	1959	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
159	Đồng Sĩ Thiên Châu	1978	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
160	Phạm Lan Chi	1993	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
161	Ngô Sơn Tùng	1984	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
162	Nguyễn Minh Vinh Quang	1995	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
163	Trịnh Văn Thanh	1988	Nam		Đại học	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
164	Vũ Trí Viễn	1982	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
165	Phan Tấn Phát	1989	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
166	Lê Anh Tuấn	1984	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
167	Đặng Ngọc Khoa	1977	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
168	Trịnh Phương Thảo	1983	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
169	Trần Công Thịnh	1965	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
170	Trịnh Minh Tuấn	1982	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
171	Nguyễn Ngọc Thành	1963	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
172	Myllyluoma Ulla Maija	1970	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
173	Trần Thành Nam	1985	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
174	Nguyễn Nhật Tân	1986	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
175	Đỗ Anh Khoa	1994	Nam		Đại học	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
176	Lê Nguyễn Minh Thông	1986	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
177	Từ Lâm Thanh	1986	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
178	Huỳnh Thanh Thiện	1989	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
179	Trần Hải Đăng	1999	Nam		Đại học	Kỹ thuật điện tử - viễn thông

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
180	Nguyễn Đoàn Quốc Anh	1986	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
181	Hoàng Lê Quang Nhật	1989	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
182	Nguyễn Bội Khuê	1938	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
183	Trần Thanh Phương	1979	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
184	Đỗ Vinh Quang	1986	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
185	Đỗ Quang Vinh	1978	Nam		Đại học	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
186	Hà Duy Hưng	1977	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
187	Trần Công Phong	1960	Nam	Giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
188	Võ Phú Thoại	1979	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
189	Huỳnh Tấn Hưng	1983	Nam		Đại học	Kỹ thuật điện
190	Ngô Quốc Thới	1986	Nam		Đại học	Kỹ thuật điện
191	Tipton Teresa Marie	1953	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
192	Uông Thế Duy	1985	Nam		Đại học	Kỹ thuật điện
193	Cao Đoàn Bảo Thy	1984	Nữ		Đại học	Kỹ thuật điện
194	Nguyễn Trung Thắng	1985	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
195	Đinh Thị Khánh Ngân	1996	Nữ		Đại học	Kỹ thuật điện
196	Nguyễn Minh Tuấn	1987	Nam		Đại học	Kỹ thuật điện
197	Phạm Hùng	1982	Nam		Đại học	Kỹ thuật điện
198	Nguyễn Phan Anh Huy	1994	Nam		Đại học	Kỹ thuật điện
199	Phan Minh Tân	1995	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện
200	Lê Hoàng Em	1978	Nam		Đại học	Kỹ thuật điện
201	Nguyễn Thành Nhơn	1980	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
202	Phạm Nhất Phương	1981	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện
203	Nguyễn Thy	1998	Nữ		Đại học	Kỹ thuật điện
204	Phạm Thị Mỹ Duyên	1992	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện
205	Nguyễn Văn Long	1999	Nam		Đại học	Kỹ thuật điện
206	Hồ Đăng Sang	1973	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
207	Nguyễn Văn Hiếu	1996	Nam		Đại học	Kỹ thuật điện
208	Nguyễn Thị Kim Ngọc	1994	Nữ		Đại học	Kỹ thuật điện
209	Nguyễn Quốc Bảo	1972	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện
210	Ngô Thúc Vũ	1999	Nữ		Đại học	Kỹ thuật điện
211	Trần Hoàng Quang Minh	1985	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
212	Nguyễn Văn Huân	1983	Nam		Đại học	Kỹ thuật điện
213	Trần Đình Cương	1982	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
214	Đào Huy Tuấn	1981	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện
215	Nguyễn Văn Tiến	1979	Nam		Đại học	Kỹ thuật điện
216	Vũ Quang Sỹ	1986	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
217	Trần Đức Long	1995	Nam		Đại học	Kỹ thuật điện
218	Đinh Hoàng Bách	1972	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
219	Nguyễn Dáo	1948	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
220	Nguyễn Hoàng Nam	1982	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
221	Lê Anh Tuấn	1983	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
222	Nguyễn Thị Phương Thảo	1983	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
223	Võ Hoàng Duy	1975	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
224	Thái Lâm Cường Quốc	1998	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
225	Nguyễn Thị Cẩm Nguyệt	2001	Nữ		Đại học	Kỹ thuật cơ điện tử
226	Lê Văn Hòa	1990	Nam		Đại học	Kỹ thuật cơ điện tử
227	Võ Hữu Hậu	1983	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
228	Lê Anh Vũ	1984	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
229	Hussain Fayaz	1982	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
230	Le Khanh Chau	1955	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
231	Đoàn Thị Kim Quyên	1992	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
232	Thị Ngọc Bảo Dung	1985	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
233	Phạm Thị Hồng Nga	1996	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
234	Phạm Thanh Lưu	1982	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
235	Hồ Ngô Anh Đào	1983	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
236	Nguyễn Thị Hiện	1989	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
237	Phạm Anh Đức	1974	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
238	Phan Thị Hồng Thảo	1991	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
239	Ngô Thị Bích Hoa	1978	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
240	Mai Văn Mạnh	1992	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
241	Cao Thị Hồng Nhung	1988	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật phần mềm
242	Võ Văn Thành	1985	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
243	Nguyễn Thị Diễm Hằng	1994	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
244	Lê Văn Vang	1988	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật phần mềm
245	Nguyễn Hữu Cần	1992	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
246	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	1991	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
247	Lương Thị Ngọc Khánh	1981	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật phần mềm
248	Phạm Thành Công	1990	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
249	Nguyễn Trung Hải	1983	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật phần mềm
250	Trần Võ Anh Khoa	2000	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
251	Trần Thị Thanh Dịu	1989	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật phần mềm
252	Phạm Văn Huy	1981	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật phần mềm
253	Nguyễn Quốc Bình	1987	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
254	Trần Thanh Phước	1981	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật phần mềm
255	Nguyễn Thanh Trúc	1992	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
256	Trần Lương Quốc Đại	1986	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
257	Trần Trung Tín	1984	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
258	Lê Trung Nghĩa	1985	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
259	Đoàn Thị Anh Thư	1990	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
260	Nguyễn Trọng Nhân	1993	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
261	Đoàn Thị Thủy	1988	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
262	Huỳnh Văn Kha	1986	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật phần mềm
263	Đặng Quốc Việt	1992	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
264	Nguyễn Chí Thiện	1985	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật phần mềm
265	Bùi Lê Hà Thư	1997	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
266	Tổng Thanh Văn	1988	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
267	Phù Trần Tín	1979	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật phần mềm
268	Nguyễn Anh Vinh	1987	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
269	Khuất Thị Phương Thảo	1992	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm
270	Chu Đức Khánh	1953	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật phần mềm
271	Kruger Alexander	1953	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật phần mềm
272	Nguyễn Văn Phước	1980	Nam		Tiến sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
273	Trương Đình Tú	1979	Nam		Tiến sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
274	Huỳnh Ngọc Tú	1984	Nữ		Tiến sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
275	Trần Thanh Nam	1988	Nam		Tiến sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
276	Trần Quốc Hưng	1987	Nam		Thạc sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
277	Bùi Quy Anh	1984	Nam		Tiến sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
278	Dương Thị Thùy Vân	1982	Nữ		Tiến sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
279	Lê Viết Thanh	1977	Nam		Thạc sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
280	Phan Thị Thanh Phương	1986	Nữ		Thạc sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
281	Doãn Xuân Thanh	1983	Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính
282	Nguyễn Thành An	1995	Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính
283	Đặng Thị Thanh Hà	1997	Nữ		Đại học	Khoa học máy tính
284	Tạ Văn Hành	1993	Nam		Đại học	Khoa học máy tính
285	Lê Huỳnh Thị Ngọc Hân	2001	Nữ		Đại học	Khoa học máy tính
286	Nguyễn Thanh Bình	1990	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học máy tính
287	Nguyễn Thị Thùy Dung	2001	Nữ		Đại học	Khoa học máy tính
288	Trịnh Hùng Cường	1986	Nam		Tiến sĩ	Khoa học máy tính
289	Võ Ngọc Thiệu	1988	Nam		Tiến sĩ	Khoa học máy tính
290	Huỳnh Ngọc Tú	1984	Nữ		Tiến sĩ	Khoa học máy tính
291	Dương Hữu Phúc	1992	Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính
292	Phạm Văn Huy	1981	Nam		Tiến sĩ	Khoa học máy tính
293	Nguyễn Thị Hải Hà	1995	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học máy tính
294	Nguyễn Quốc Bảo	1983	Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính
295	Hồ Văn Thái	1981	Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính
296	Nguyễn Thành Đạt	1997	Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính
297	Lý Kim Phát	1996	Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính
298	Võ Quốc Huy	1998	Nam		Đại học	Khoa học máy tính
299	Dung Cẩm Quang	1996	Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính
300	Kiều Đình Đạt	1984	Nam		Đại học	Khoa học máy tính
301	Trần Tuấn Minh	1996	Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính
302	Hoàng Ngọc Long	2000	Nam		Đại học	Khoa học máy tính
303	Nguyễn Chí Thiện	1985	Nam		Tiến sĩ	Khoa học máy tính
304	Tiêu Thị Cẩm Linh	1993	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học máy tính
305	Trần Thị Sơn Thảo	1996	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học máy tính
306	Lê Anh Cường	1976	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học máy tính
307	Đỗ Phan Thuận	1980	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học máy tính

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
308	Trần Trọng Đạo	1981	Nam		Tiến sĩ	Khoa học máy tính
309	Vũ Đình Hồng	1983	Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính
310	Nguyễn Thị Hương	1994	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học máy tính
311	Nguyễn Văn Khoa	1979	Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính
312	Dương Thanh Phong	1986	Nam		Tiến sĩ	Thống kê
313	Thân Thị Hồng	1980	Nữ		Tiến sĩ	Thống kê
314	Lê Thị Ngọc Giàu	1982	Nữ		Tiến sĩ	Thống kê
315	Lê Trường Nhật	1984	Nam		Tiến sĩ	Thống kê
316	Nguyễn Thị Hồng Loan	1958	Nữ		Thạc sĩ	Thống kê
317	Nguyễn Quốc Cường	1983	Nam		Thạc sĩ	Thống kê
318	Cao Xuân Phương	1986	Nam		Tiến sĩ	Thống kê
319	Trần Bá Nhẫn	1953	Nam		Thạc sĩ	Thống kê
320	Trương Bửu Châu	1982	Nữ		Tiến sĩ	Thống kê
321	Phan Thanh Toàn	1982	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Toán ứng dụng
322	Yves Francois Desdevises Pierre	1983	Nam		Đại học	Toán ứng dụng
323	Trần Mỹ Kim An	1988	Nữ		Tiến sĩ	Toán ứng dụng
324	Trần Thị Thùy Nương	1978	Nữ		Tiến sĩ	Toán ứng dụng
325	Trần Minh Phương	1986	Nữ		Tiến sĩ	Toán ứng dụng
326	Nguyễn Lê Toàn Nhật Linh	1988	Nam		Tiến sĩ	Toán ứng dụng
327	Lê Bá Khiết	1987	Nam		Tiến sĩ	Toán ứng dụng
328	Phan Quốc Khánh	1946	Nam	Giáo sư	Tiến sĩ khoa học	Toán ứng dụng
KHỐI NGÀNH VI						
1	Thái Quỳnh Mai	1999	Nữ		Đại học	Dược học
2	Trần Trường Giang	1991	Nam		Thạc sĩ	Dược học
3	Lê Bảo	1991	Nam		Tiến sĩ	Dược học
4	Võ Xuân Nam	1990	Nam		Tiến sĩ	Dược học
5	Hồ Thế Hiền	1986	Nam		Tiến sĩ	Dược học
6	Trần Gia Bửu	1988	Nữ		Tiến sĩ	Dược học
7	Nguyễn Phương Trâm	1993	Nữ		Tiến sĩ	Dược học
8	Phạm Đức Toàn	1993	Nam		Tiến sĩ	Dược học
9	Nguyễn Đức Tri Thức	1993	Nam		Thạc sĩ	Dược học
10	Nguyễn Minh Đức	1955	Nam	Giáo sư	Tiến sĩ	Dược học

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
11	La Thị Hồng Lan	1988	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
12	Nguyễn Lê Thanh Tuyền	1991	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
13	Vương Minh Phúc	1992	Nam		Đại học	Dược học
14	Trần Cao Thụy Hạ Lan	1984	Nữ		Chuyên khoa cấp II	Dược học
15	Phạm Thanh An	1996	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
16	Ngô Thị Mỹ Duyên	1997	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
17	Phan Thị Phương Thúy	1984	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
18	Vũ Huỳnh Kim Long	1988	Nam		Tiến sĩ	Dược học
19	Đặng Thị Thùy Ngân	1987	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
20	Nguyễn Đình Hiệp	1983	Nam		Tiến sĩ	Dược học
21	Trần Phụng Thanh	1989	Nam		Thạc sĩ	Dược học
22	Nguyễn Trường Huy	1986	Nam		Tiến sĩ	Dược học
23	Nguyễn Đăng Khoa	1991	Nam		Thạc sĩ	Dược học
24	Chung Khánh Linh	1995	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
25	Lý Tú Loan	1984	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
26	Lê Quốc Việt	1990	Nam		Tiến sĩ	Dược học
27	Hoàng Quốc Tuấn	1990	Nam		Thạc sĩ	Dược học
28	Lê Thùy Hương	1988	Nữ		Tiến sĩ	Dược học
29	Trần Mộng Kha	1997	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
30	Đỗ Bích Hằng	1988	Nữ		Tiến sĩ	Dược học
31	Nguyễn Văn Thắng	1993	Nam		Thạc sĩ	Dược học
32	Đoàn Ngọc Ý Thi	1987	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
33	Vũ Thiên Ý	1986	Nam		Tiến sĩ	Dược học
34	Nguyễn Minh Hiền	1985	Nữ		Tiến sĩ	Dược học
35	Nguyễn Hữu Sơn	1990	Nam		Thạc sĩ	Dược học
36	Đoàn Nguyễn Phương Thảo	1994	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
37	Phan Mạnh Nhất	1991	Nam		Thạc sĩ	Dược học
38	Thạch Út Đồng	1989	Nam		Tiến sĩ	Dược học
KHỐI NGÀNH VII						
1	Hà Trọng Nghĩa	1983	Nam		Thạc sĩ	Việt Nam học
2	Nguyễn Hiếu Tín	1980	Nam		Thạc sĩ	Việt Nam học
3	Trần Khai Thuận	1987	Nam		Thạc sĩ	Việt Nam học
4	Nguyễn Thị Trang Nhung	1987	Nữ		Thạc sĩ	Việt Nam học
5	Nguyễn Thị Khánh Linh	1986	Nữ		Thạc sĩ	Việt Nam học

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
6	Đào Thị Bích Dương	1985	Nữ		Thạc sĩ	Việt Nam học
7	Dương Thị Minh Phượng	1983	Nữ		Tiến sĩ	Việt Nam học
8	Đỗ Hoàng Duy	1995	Nam		Đại học	Việt Nam học
9	Nguyễn Hồ Khánh Vân	1991	Nữ		Tiến sĩ	Việt Nam học
10	Nguyễn Hồng Tín	1984	Nam		Tiến sĩ	Việt Nam học
11	Nguyễn Trần Hiền Anh	1997	Nữ		Đại học	Việt Nam học
12	Lê Thị Kim Ngoan	1991	Nữ		Thạc sĩ	Việt Nam học
13	Nguyễn Thị Kim Ngân	1994	Nữ		Đại học	Việt Nam học
14	Võ Thị Thanh Hương	1958	Nữ		Thạc sĩ	Việt Nam học
15	Nguyễn Hoàng Tuấn	1992	Nam		Thạc sĩ	Việt Nam học
16	Nguyễn Phương Thảo	1992	Nữ		Thạc sĩ	Việt Nam học
17	Nguyễn Thị Hồng Duyên	1993	Nữ		Thạc sĩ	Việt Nam học
18	Nguyễn Thế Nhân	1987	Nam		Đại học	Việt Nam học
19	Lê Trọng Giàu	1998	Nữ		Đại học	Việt Nam học
20	Huỳnh Thị Ánh Hồng	1996	Nữ		Thạc sĩ	Việt Nam học
21	Nguyễn Thanh Song Trúc	1999	Nữ		Đại học	Việt Nam học
22	Hà Thế Linh	1971	Nam		Thạc sĩ	Việt Nam học
23	Phạm Thái Sơn	1990	Nam		Thạc sĩ	Việt Nam học
24	Nguyễn Thị Phương Linh	1988	Nữ		Thạc sĩ	Việt Nam học
25	Nguyễn Đức Long	1996	Nam		Thạc sĩ	Việt Nam học
26	Lê Quang Đức	1967	Nam		Thạc sĩ	Việt Nam học
27	Trần Phương Nhung	1996	Nữ		Đại học	Việt Nam học
28	Đặng Thị Kim Phụng	1959	Nữ		Tiến sĩ	Việt Nam học
29	Trương Trần Hoàng Phúc	1984	Nam		Thạc sĩ	Việt Nam học
30	Trần Thị Ngọc Hiền	1991	Nữ		Thạc sĩ	Việt Nam học
31	Bùi Hữu Toàn	1962	Nam		Thạc sĩ	Việt Nam học
32	Trần Văn Độ	1969	Nam		Thạc sĩ	Việt Nam học
33	Lê Văn Đào	1962	Nam		Đại học	Việt Nam học
34	Nguyễn Thị Huỳnh Liên	1981	Nữ		Thạc sĩ	Việt Nam học
35	Phạm Công Danh	1989	Nam		Thạc sĩ	Việt Nam học
36	Thái Thị Tú Anh	1993	Nữ		Thạc sĩ	Việt Nam học
37	John Hutnyk	1961	Nam		Tiến sĩ	Việt Nam học
38	Nguyễn Công Hưng	1954	Nam		Tiến sĩ	Việt Nam học
39	Nguyễn Minh Huân	1988	Nam		Tiến sĩ	Việt Nam học

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
40	Bùi Loan Thùy	1954	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ khoa học	Việt Nam học
41	Trần Thị Mỹ Nhung	1985	Nữ		Thạc sĩ	Việt Nam học
42	Nguyễn Xuân Mai	1949	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Việt Nam học
43	Ngô Thị Vân Anh	1994	Nữ		Thạc sĩ	Việt Nam học
44	Lê Hải Thanh	1953	Nam		Tiến sĩ	Việt Nam học
45	O'Meara Luke Edward	1977	Nam		Thạc sĩ	Việt Nam học
46	Hoàng Thị Vân	1991	Nữ		Thạc sĩ	Việt Nam học
47	Nguyễn Thị Bích Đào	1989	Nữ		Tiến sĩ	Việt Nam học
48	Phạm Thị Hà Thương	1982	Nữ		Thạc sĩ	Việt Nam học
49	Đồng Thị Hường	1985	Nữ		Thạc sĩ	Việt Nam học
50	Koskela Oskari Johannes	1984	Nam		Đại học	Việt Nam học
51	Trần Quang Nguyễn	1987	Nam		Đại học	Việt Nam học
52	Kaipainen Anna Elina	1983	Nữ		Thạc sĩ	Việt Nam học
53	Groza Edgars	1989	Nam		Đại học	Việt Nam học
54	Dương Thị Minh Phượng	1983	Nữ		Tiến sĩ	Xã hội học
55	Lê Thị Mai	1952	Nữ		Tiến sĩ	Xã hội học
56	Phó Kim Hưng	1990	Nam		Tiến sĩ	Xã hội học
57	Võ Trần Tường Vy	1997	Nữ		Đại học	Xã hội học
58	Nguyễn Thị Thu Trang	1980	Nữ		Tiến sĩ	Xã hội học
59	Trần Bá Nhẫn	1953	Nam		Thạc sĩ	Xã hội học
60	Vũ Thị Ngọc Dịu	1983	Nữ		Đại học	Xã hội học
61	Đỗ Xuân Hà	1973	Nữ		Tiến sĩ	Xã hội học
62	Trần Xuân Bình	1962	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Xã hội học
63	Nguyễn Huy Phong	1982	Nam		Đại học	Xã hội học
64	Võ Thị Mai	1963	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Xã hội học
65	Lê Đức Thịnh	1985	Nam		Thạc sĩ	Xã hội học
66	Phạm Thị Thanh Huyền	1981	Nữ		Tiến sĩ	Xã hội học
67	Tăng Khắc Quý	1985	Nam		Đại học	Ngôn ngữ Trung Quốc
68	Chu Chen Yung	1988	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc
69	Chu Chiêu Linh	1979	Nữ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc
70	Nguyễn Thị Mỹ Linh	1985	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc
71	Phan Quốc Bảo	1989	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc
72	Hồ Tâm Đan	1979	Nữ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
73	Lê Văn Láng	1967	Nam		Đại học	Ngôn ngữ Trung Quốc
74	Lương Diệu Vinh	1976	Nam		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc
75	Lý Y Lâm	1980	Nữ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc
76	Nguyễn Thiện Khoa	1991	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc
77	Gia Thị Thu Trang	1986	Nữ		Đại học	Ngôn ngữ Trung Quốc
78	Gia Thị Phương Thúy	1987	Nữ		Đại học	Ngôn ngữ Trung Quốc
79	Nguyễn Hòa Bình	1974	Nam		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc
80	Lê Lan Hương	1984	Nữ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc
81	Ngô Đức Thơ	1985	Nam		Đại học	Ngôn ngữ Trung Quốc
82	Nguyễn Thu Huyền	1977	Nữ		Đại học	Ngôn ngữ Trung Quốc
83	Nguyễn Thị Bích Thủy	1969	Nữ		Đại học	Ngôn ngữ Trung Quốc
84	Celse Bondouaire Diane Andree Sophie	1996	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
85	Hoàng Lê Quốc Đạt	1991	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
86	Phạm Hiếu Nghĩa	1987	Nam		Đại học	Ngôn ngữ Anh
87	John R. Baker	1966	Nam		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
88	Trần Thị Kim Trang	1980	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
89	Trịnh Hoàng Đồng	1988	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
90	Nguyễn Thị Phương Dung	1989	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
91	Ngô Thị Hiền	1991	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
92	Tạ Thị Hồng Diễm	1972	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
93	Nelson Sarah Jenny	1982	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
94	Nguyễn Thị Việt Hà	1999	Nữ		Đại học	Ngôn ngữ Anh
95	Đỗ Hà Khánh Vy	1996	Nữ		Đại học	Ngôn ngữ Anh
96	Nguyễn Văn Thành	1975	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
97	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	1976	Nữ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
98	Bùi Thị Đoan Trang	1998	Nữ		Đại học	Ngôn ngữ Anh
99	Nguyễn Lê Phúc	1995	Nam		Đại học	Ngôn ngữ Anh
100	Nguyễn Thị Thu Anh	1983	Nữ		Đại học	Ngôn ngữ Anh
101	Kim Huỳnh Điệp	1972	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
102	Lê Thị Bảo Ngân	1990	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
103	Nguyễn Thị Diễm Trinh	1998	Nữ		Đại học	Ngôn ngữ Anh
104	Nguyễn Thị Bửu Trân	1979	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
105	Lê Ngọc Quỳnh Như	1988	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
106	Lê Cảnh Huy	1995	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
107	Đặng Thị Phi Yến	1991	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
108	Phạm Minh Huy	1993	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
109	Nguyễn Thanh Phương	1970	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
110	Nguyễn Tiến Linh	1988	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
111	Nguyễn Xuân Nhung	1983	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
112	Nguyễn Viết Luân	1985	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
113	Ngô Thị Bạch Loan	1963	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
114	Võ Thị Khánh Chi	1986	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
115	Đoàn Ngọc Trúc Linh	1999	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
116	Nguyễn Ngọc Tâm	1980	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
117	Ngô Thị Hoàng Phương	1975	Nữ		Đại học	Ngôn ngữ Anh
118	Đỗ Thị Mỹ Hân	1990	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
119	Lê Minh Hằng	1990	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
120	Võ Thị Như Linh	1995	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
121	Trương Tuấn Minh	1982	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
122	Nguyễn Thị Nam Hương	1997	Nữ		Đại học	Ngôn ngữ Anh
123	Phạm Thị Lan Anh	1989	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
124	Trần Thị Mai Thi	1995	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
125	Thái Thành Nhân	1991	Nam		Đại học	Ngôn ngữ Anh
126	Trịnh Thị Mỹ Lệ	1980	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
127	Nguyễn Thanh Điệp	1995	Nam		Đại học	Ngôn ngữ Anh
128	Đặng Nguyễn Cẩm Giang	1992	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
129	Đỗ Thị Hoa Quyên	1979	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
130	Lê Thị Phương	1987	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
131	Nguyễn Kim Ánh	1955	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
132	Nhâm Thị Ngọc	1984	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
133	Trần Như Quỳnh Trâm	1974	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
134	Nguyễn Việt Linh	1992	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
135	Thani Kawita	1966	Nữ		Đại học	Ngôn ngữ Anh
136	Đinh Trường Sinh	1973	Nam		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
137	Nguyễn Xuân Hải	1978	Nam		Đại học	Ngôn ngữ Anh
138	Hồ Phương Thảo	1985	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
139	Morkel Anja	1992	Nữ		Đại học	Ngôn ngữ Anh
140	Nguyễn Thị Tuyết Tâm	1966	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
141	Đỗ Thiên Thanh	1990	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
142	Vũ Công Danh	1989	Nam		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
143	Lê Thị Tố Quyên	1980	Nữ		Đại học	Ngôn ngữ Anh
144	Casta Janet Sudango	1977	Nữ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
145	Nguyễn Thị Việt Hà	1984	Nữ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
146	Takala Paula Tuulia	1974	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
147	Koskela Elina Maria	1983	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
148	Lee Sungyeon	1970	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
149	Đoàn Thị Kim Quyên	1992	Nữ		Tiến sĩ	Bảo hộ lao động
150	Đặng Mỹ Thanh	1989	Nữ		Thạc sĩ	Bảo hộ lao động
151	Tôn Trọng Nghĩa	1985	Nam		Thạc sĩ	Bảo hộ lao động
152	Nguyễn Phước Lộc	1993	Nam		Thạc sĩ	Bảo hộ lao động
153	Thi Ngọc Bảo Dung	1985	Nữ		Tiến sĩ	Bảo hộ lao động
154	Nguyễn Công Tráng	1985	Nam		Tiến sĩ	Bảo hộ lao động
155	Nguyễn Thị Hiện	1989	Nữ		Tiến sĩ	Bảo hộ lao động
156	Ninh Xuân Huy	1993	Nam		Tiến sĩ	Bảo hộ lao động
157	Nguyễn Thế Nghĩa	1987	Nam		Đại học	Quản lý thể dục thể thao
158	Phùng Thị Thu Thủy	1990	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý thể dục thể thao
159	Phạm Đăng Khoa	1995	Nam		Thạc sĩ	Quản lý thể dục thể thao
160	Phạm Quỳnh Sỹ	1987	Nam		Thạc sĩ	Quản lý thể dục thể thao
161	Phạm Xích Nam	1986	Nam		Thạc sĩ	Quản lý thể dục thể thao

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
162	Võ Minh Hiếu	1994	Nam		Thạc sĩ	Quản lý thể dục thể thao
163	Lê Quang Trọng	1990	Nam		Tiến sĩ	Quản lý thể dục thể thao
164	Đặng Văn Phúc	1994	Nam		Thạc sĩ	Quản lý thể dục thể thao
165	Trịnh Trung Hiếu	1939	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản lý thể dục thể thao
166	Hoàng Thị Thu Hà	1962	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý thể dục thể thao
167	Trần Cao Cẩm Tiên	1997	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý thể dục thể thao
168	Võ Thị Thanh Phụng	1988	Nữ		Đại học	Quản lý thể dục thể thao
169	Nguyễn Đình Sơn	1993	Nam		Đại học	Quản lý thể dục thể thao
170	Nguyễn Thoại Quỳnh Như	1995	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý thể dục thể thao
171	Đặng Thị Kim Ánh	1985	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý thể dục thể thao
172	Lê Trần Minh Nghĩa	1983	Nam		Thạc sĩ	Quản lý thể dục thể thao
173	Nguyễn Thị Thắm	1988	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý thể dục thể thao
174	Nguyễn Sĩ Hà	1952	Nam		Tiến sĩ	Quản lý thể dục thể thao
175	Phạm Thanh Anh Khoa	1985	Nam		Thạc sĩ	Quản lý thể dục thể thao
176	Nguyễn Bằng	1989	Nam		Thạc sĩ	Quản lý thể dục thể thao
177	Vũ Thị Trang	1991	Nữ		Đại học	Quản lý thể dục thể thao
178	Nguyễn Đình Long	1987	Nam		Thạc sĩ	Quản lý thể dục thể thao
179	Trần Thị Mỹ Hào	1995	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý thể dục thể thao
180	Ngô Chí Dũng	1955	Nam		Đại học	Quản lý thể dục thể thao
181	Lê Tấn Phát	1986	Nam		Tiến sĩ	Quản lý thể dục thể thao
182	Dr Pauling Kai Linus	1972	Nam		Tiến sĩ	Quản lý thể dục thể thao
183	Vũ Văn Hiệu	1984	Nam		Tiến sĩ	Công tác xã hội
184	Dương Thị Minh Phượng	1983	Nữ		Tiến sĩ	Công tác xã hội
185	Võ Minh Quân	1995	Nam		Thạc sĩ	Công tác xã hội
186	Phạm Ngọc Thạch	1999	Nam		Thạc sĩ	Công tác xã hội
187	Nguyễn Đoàn Thục Trâm	1997	Nữ		Đại học	Công tác xã hội
188	Đỗ Xuân Hà	1973	Nữ		Tiến sĩ	Công tác xã hội
189	Trần Xuân Bình	1962	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công tác xã hội

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
190	Phạm Thị Thanh Huyền	1981	Nữ		Tiến sĩ	Công tác xã hội

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	15
3	Khối ngành III	25
4	Khối ngành IV	20
5	Khối ngành V	20
6	Khối ngành VI	15
7	Khối ngành VII	25

Tp.HCM, ngày 21 tháng 6 năm 2024

Nơi nhận:

- Tổng LĐLĐVN (để báo cáo);
- Website công khai;
- Lưu: TCHC.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Trọng Đạo